

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2020/HC-PT**

Ngày: 29/6/ 2020

V/v “*Kiến quyết định hành chính,  
quyết định giải quyết khiếu nại trong  
lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tiến

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Quốc Cường

Ông Lê Phước Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 142/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 02 năm 2020 về “*Kiến quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HC- ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 938/2020/QĐPT-HC ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Lê Xuân L, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:* ông Phạm Lý H1, Luật sư Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

**2. Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân huyện N.

*Người đại diện theo pháp luật:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Cùng địa chỉ: Thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đàm B - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: số 52 đường H2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi:* Ông Phí Quang H3, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 163 đường H2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân xã H.

Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;

*Người đại diện theo pháp luật:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Huỳnh T1 - Cán bộ địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường xã H; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Trần Nh; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

3.3. Ông Đỗ Quang S; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

3.4. Ông Nguyễn Tấn C1; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

3.5. Ông Võ Văn B; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

3.6. Ông Lê Quang D1; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.7. Bà Mai Thị Kim A; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.8. Ông Lê Xuân P1; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Xuân P1: Bà Phạm Thị Minh T2 (văn bản ủy quyền ngày 14/11/2019); Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.9. Ông Phạm D2; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm D2: Bà Huỳnh Thị H4 (văn bản ủy quyền ngày 30/10/2019); Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.10. Ông Trần Văn T3; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.11. Ông Võ Văn T4; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.12. Ông Lê Xuân D3; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/3/2019 - Người khởi kiện ông Lê Xuân L trình bày:*

Thực hiện dự án trồng rừng nguyên liệu trên địa bàn huyện N do Cty TNHH M làm chủ đầu tư (đã được UBND huyện N phê duyệt tại QĐ số 48/QĐ-UB ngày 07/9/2001); hộ ông Lê Xuân L được UBND huyện N giao 01 thửa đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy CNQSDĐ) số vào sổ 05176 ngày 24/7/2002 tại thửa đất số 10, TĐĐ 12, diện tích 127.000m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, theo bản tự khai ngày 29/8/2019 của ông Lê Xuân L phù hợp với bản tự khai ngày 29/8/2019 của các ông Trần Nh, Nguyễn Tấn C1, Võ Văn B và Đỗ Quang S là các ông hợp tác cùng nhau phát dọn rừng chung tại thửa đất số 10, TĐĐ 12, diện tích 127.000m<sup>2</sup>. Ngày 16/10/2001 các ông lập biên bản họp tổ thống nhất cùng nhau trồng rừng, thỏa thuận phân chia lợi nhuận cũng như thống nhất làm Giấy CNQSDĐ cho 05 người bằng nhau. Tuy nhiên, khi làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ, do không hiểu pháp luật nên chỉ một mình ông Lê Xuân L làm và được UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông L vào ngày 24/7/2002 là không đúng, mà quyền sử dụng đất trên là của chung của 05 người.

Ngày 25/12/2001, ông L; ông Trần Nh và Cty TNHH M ký hợp đồng số 01/HĐK khoán trồng rừng để tiến hành khai hoang, phát dọn thực bì, trồng và chăm sóc keo. Khi khai thác mỗi bên được hưởng 50% (Cty TNHH M đầu tư vật tư, cây giống; ông L cùng những người khác trồng, chăm sóc và được tính công trồng cây).

Thời gian trồng rừng chu kỳ đầu từ năm 2003-2008 không có phát sinh tranh chấp. Năm 2008 bắt đầu khai thác lứa cây keo đầu tiên mang lại hiệu quả kinh tế lớn thì bắt đầu phát sinh phản ánh cán bộ, công chức, cá nhân thu gom đất rừng tại xã H và bắt đầu

lấn chiếm và tranh chấp diễn ra; trong đó gồm bà Mai Thị Kim A, Lê Quang D1, Võ Văn T4, Phạm D2 và Lê Xuân P1 lấn chiếm đất và trồng keo trên đất của ông L. Ông L đã nhiều lần làm đơn yêu cầu UBND xã H giải quyết nhưng không thành.

Ngày 19/10/2017, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 289/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ đã cấp cho hộ ông L (viết tắt là Quyết định số 289/QĐ-UBND). Ngày 22/3/2018, UBND huyện N ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Giấy CNQSDĐ đã cấp cho hộ ông L (viết tắt là Quyết định số 20/QĐ-UBND). Không đồng ý với các quyết định nêu trên ông đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện N. Ngày 12/02/2018 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND về việc giải quyết bác đơn khiếu nại (viết tắt là Quyết định số 63/QĐ-UBND). Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N, ông Lê Xuân L khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 14/11/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2024/QĐ-UBND về việc giải quyết đã bác khiếu nại của ông L (viết tắt là Quyết định số 2024/QĐ-UBND).

Không đồng ý với các Quyết định số 289/QĐ-UBND; Quyết định số 20/QĐ-UBND; Quyết định số 63/QĐ-UBND và Quyết định số 2024/QĐ-UBND, ông Lê Xuân L có đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết hủy toàn bộ các quyết định nêu trên. Các căn cứ ông yêu cầu hủy các quyết định:

Về hình thức: Các quyết định thu hồi Giấy CNQSDĐ, hủy bỏ Giấy CNQSDĐ đã cấp cho hộ ông L và các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N và của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi không đề cập gì đến thành viên của hộ gia đình ông là không đúng pháp luật. Lý do thu hồi là thu hồi theo Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi để bác đơn khiếu nại của ông là không đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Từ khi giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ không có ai khiếu nại hay khiếu kiện. Tại các nội dung trả lời đơn khiếu nại đối với các hộ dân tranh chấp với ông đều được Chủ tịch UBND huyện N trả lời tại đơn thư là không có căn cứ để thu hồi đất, thu hồi Giấy CNQSDĐ. Tuy nhiên, UBND huyện N đã ban hành các quyết định thu hồi Giấy CNQSDĐ đất của hộ ông L là không đúng pháp luật.

- *Tại văn bản số 1184/UBND ngày 15/8/2019 người bị kiện UBND huyện N có ý kiến như sau:*

Năm 2000, khi Nhà nước có chủ trương trồng rừng sản xuất, UBND xã H đã đồng ý cho nhiều hộ dân ở địa phương tiến hành phát hoang, hợp đồng với Công ty TNHH M trồng keo và đề nghị UBND huyện giao đất. Tuy nhiên, trước khi giao đất, UBND xã H

và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N chưa tham mưu thu hồi diện tích đất trước đây đã khai hoang, sản xuất của một số hộ dân là chưa đúng quy định của pháp luật.

Việc UBND huyện N ban hành quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 về việc thu hồi Giấy CNQSDĐ đã cấp cho hộ ông L do việc cấp Giấy CNQSDĐ không đúng theo Công văn số 6095/UBND - NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N là đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân L là không có cơ sở.

- *Tại văn bản số 2437/UBND - NC ngày 17/5/2019 người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến như sau:*

Nguồn gốc đất của hộ ông L được UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ nguyên trước năm 2000 là đất chòi hoang hóa, không ai sử dụng đất và một phần nhỏ có đất của người dân địa phương trước đây có khai hoang để sản xuất trồng hoa màu) nhưng vào thời điểm 1999 - 2000 đều bỏ hoang. Tuy nhiên không có cơ sở để khẳng định trong diện tích đất của hộ ông L thì diện tích của hộ nào có nguồn gốc khai hoang sử dụng trước năm 2000 chưa được xử lý, diện tích bao nhiêu.

Vào khoảng năm 2000 có chủ trương trồng rừng sản xuất, UBND xã H đã đồng ý cho nhiều hộ dân ở địa phương tiến hành phát hoang, hợp đồng với Công ty TNHH M để trồng keo và đề nghị UBND huyện N giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ cho 39 hộ với 47 Giấy CNQSDĐ (trong đó có hộ ông L). Tuy nhiên trước khi giao đất UBND xã H và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N chưa tham mưu thu hồi diện tích đất của các hộ trước đây đã khai hoang, sản xuất là chưa đúng với quy định của pháp luật đất đai.

Việc giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ cho các hộ dân trên địa bàn xã H được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi kết luận tại thông báo số 1948/KL- UBND ngày 25/4/2018 và chỉ đạo UBND huyện N tại Công văn số 6095/UBND- NC ngày 03/10/2017, trong đó có nội dung: “*ban hành hủy quyết định giao đất và thu hồi Giấy CNQSDĐ đã cấp cho 14 hộ dân khu vực HN, HT, HH xã H không đúng đối tượng...trên cơ sở đó UBND huyện N ban hành quyết định thu hồi Giấy CNQSDĐ hộ Lâm. Ông L có đơn khiếu nại Chủ tịch UBND huyện N ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N và của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là đúng về trình tự, thủ tục, nội dung theo quy định của Luật khiếu nại 2011. Việc khởi kiện của ông Lê Xuân L yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là không có cơ sở.*

*Tại văn bản số 26/UBND ngày 14/5/2019 của UBND xã H và tại phiên tòa, người*

*đại diện theo ủy quyền của xã H là ông Huỳnh Tin trình bày:*

Năm 2000 - 2001 Công ty TNHH M được UBND tỉnh Quảng Ngãi và UBND huyện N cho phép lập dự án và đầu tư trồng rừng tại địa bàn xã H tại Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 07/9/2001 của UBND huyện N với diện tích 800ha. Trong đó, quy mô tại xã H là 680ha.

UBND tỉnh Quảng Ngãi có Quyết định số 764/QĐCT ngày 01/4/2003 cấp cho Công ty TNHH M 1.917.000m<sup>2</sup> đất Lâm nghiệp tại xã H. Phong trào trồng rừng ở địa phương bắt đầu phát triển. Thời gian trồng rừng chu kỳ đầu 2003 - 2008 không phát sinh tranh chấp. Năm 2008, sau khi khai thác chu kỳ đầu tiên mang lại hiệu quả kinh tế lớn, thì bắt đầu phát sinh phản ánh cán bộ, công chức, cá nhân thu gom đất rừng tại xã H và tình hình lấn chiếm, tranh chấp đất đai bắt đầu diễn ra. Chủ tịch UBND huyện N đã thành lập đoàn thanh tra và ban hành kết luận thanh tra. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi cũng có kết luận thanh tra về việc giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ đất lâm nghiệp cho 50 hộ dân trên địa bàn xã H vào các năm 2002, 2003. Nay UBND xã H cung cấp các thông tin trên cho Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ông Trần Nh, ông Nguyễn Tấn C1, ông Võ Văn B, ông Đỗ Quang S đều có bản tự khai ngày 29/8/2018 và tại phiên tòa trình bày:* Thống nhất và đồng ý như nội dung khởi kiện của ông Lê Xuân L. Các ông là những người cùng ông Lê Xuân L rủ nhau hợp tác làm rừng và đều đồng ý cử ông Lê Xuân L đại diện đứng tên trong Giấy CNQSDĐ do UBND huyện N cấp cho hộ ông Lê Xuân L. Các ông cùng làm chung, hưởng chung quyền lợi, trách nhiệm như nhau. Năm 2003 do điều kiện gia đình của các ông Trần Nh và ông Nguyễn L1 nên ông Trần Nh, ông Nguyễn L1 thống nhất giao lại toàn bộ quyền định đoạt và sử dụng cho ông Võ Văn B để sử dụng diện tích đất cùng với các ông L, ông Nh, ông C1 và ông S. Vì vậy các ông Trần Nh và ông Nguyễn L1 không có quyền lợi và nghĩa vụ gì với đối với diện tích đất được UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông L. Ngoài ra, năm 2008 ông Lê Xuân D4 xin tách riêng 5.000m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 127.000m<sup>2</sup> để làm ăn riêng nên ông Lê Xuân D4 cũng không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với diện tích được cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông L. Việc UBND huyện N ban hành quyết định thu hồi và hủy bỏ Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Lê Xuân L là xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của các ông và các ông không đồng ý các Quyết định thu hồi và hủy bỏ Giấy CNQSDĐ của UBND huyện N thu hồi Giấy CNQSDĐ của hộ ông L.

*Tại bản khai ngày 24/10/2019 bà Mai Thị Kim A, ông Trần Văn T3 trình bày như sau:* Thửa đất ông Lê Xuân L được cấp Giấy CNQSDĐ là đang tranh chấp, thửa đất trên là do các ông, bà khai hoang và thực tế đang sử dụng. Việc thu hồi Giấy CNQSDĐ của

ông hộ Lê Xuân L là đúng pháp luật. Đề nghị bác đơn khởi kiện của ông L.

*Tại bản khai ngày 24/10/2019 ông Võ Văn T4 trình bày:*, Năm 1987, ông đã khai hoang vỡ hóa thửa đất này để trồng mì và trồng chuối tại HN để làm ăn và nuôi sống gia đình. Nay thửa đất đó được cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Lê Xuân L là không đúng pháp luật.

*Tại bản khai ngày 24/10/2019 ông Lê Quang D1 trình bày:* Năm 1987 ông đã khai hoang vỡ hóa 01 thửa đất tại HN, xã H với diện tích 1,5ha để trồng chuối, thơm, cỏ tranh và trồng mít. Quá trình quản lý sử dụng ông không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, đến năm 2012 ông bắt đầu tranh chấp với ông Lê Xuân L. Lý do tranh chấp là đất của ông khai hoang, nhưng ông L lại trồng keo trên diện tích đất này. Nguồn gốc thửa đất do ông khai hoang mà UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Lê Xuân L là không đúng thực tế sử dụng đất. Ông thống nhất với các quyết định của Chủ tịch UBND huyện N, UBND huyện N và của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

*Ông Phạm D2 ủy quyền cho bà Huỳnh Thị H4 trình bày:* Giữa ông Dũng với ông Lê Xuân L không có tranh chấp gì thửa đất ông Lê Xuân L cấp Giấy CNQSDĐ và ông Dũng không có ý kiến hay có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến việc khởi kiện của ông Lê Xuân L và bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Tại đơn trình bày ngày 29/10/2019 ông Võ Văn T4 trình bày:* Giữa ông với ông Lê Xuân L không có tranh chấp gì về thửa đất ông Lê Xuân L được cấp Giấy CNQSDĐ và ông không có liên quan gì đến việc khởi kiện của ông Lê Xuân L và ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

*Ông Lê Xuân P1 ủy quyền cho bà Phạm Thị Minh Tâm trình bày:* Năm 1987-1988 bà là người trực tiếp khai hoang thửa đất tại HN với diện tích khoảng 7.000m<sup>2</sup>. Trong quá trình quản lý, sử dụng bà trồng khoai lang, mít, chuối, khảm và không đăng ký kê khai với Nhà nước. Bà bắt đầu trồng keo vào năm 2008 mãi đến năm 2014 bà thu hoạch keo. Việc UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Lê Xuân L bà không biết. Thửa đất được UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Lê Xuân L do vợ chồng bà khai hoang và thực tế gia đình bà đang sử dụng. Đề nghị, Tòa án bác đơn khởi kiện của ông L.

*Với nội dung nêu trên tại bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2020/HC- ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:*

Căn cứ quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116, khoản 2 Điều 157; điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai năm 1993; Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư số 346/1998/TT-

TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC của Bộ Nông nghiệp phát triển Nông thôn và Tổng cục địa chính; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính của Thanh tra Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân L

Hủy Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Xuân L”.

Hủy Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Xuân L”.

2/ Hủy một phần Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 03/7/2002 của UBND huyện N về việc giao đất Lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H, huyện N tại số thứ tự 29 trong Danh sách đề nghị giao đất sử dụng vào mục đích Lâm nghiệp được UBND xã H lập vào ngày 26/6/2002.

3/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi “Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H05176 ngày 24/7/2002 đã cấp cho ông Lê Xuân L tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 12 xã Hành Trung, diện tích 127000m<sup>2</sup>, loại đất: RSX (đất rừng sản xuất)”.

4/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi “Về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông (bà): Lê Xuân L, thường trú tại thôn T, xã H, huyện N”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 15/12/2017, người khởi kiện – ông Lê Xuân L kháng cáo cho rằng: Bản án hành chính sơ thẩm ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông về việc hủy Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện N; hủy Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi nhưng vẫn giữ nguyên không hủy Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND



huyện N; Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N và tuyên hủy một phần Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 03/7/2002 của UBND huyện N về việc giao đất Lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H, huyện N là không đúng với thực tế khách quan và quy định của pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông; xem xét lại tính hợp pháp của công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Yêu cầu hủy Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N; Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N và giữ nguyên Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 03/7/2002 của UBND huyện N về việc giao đất Lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H, huyện N.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HC-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập lần thứ hai, người kháng cáo có mặt tại phiên tòa; Người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét kháng cáo của ông Lê Xuân L yêu cầu hủy Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 và Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N và giữ nguyên Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 03/7/2002 của UBND huyện N về việc giao đất Lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H, huyện N thì thấy:

[2.1]. Đối với Quyết định số 289/QĐ-UBND: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện là ông Lê Xuân L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm: Ông Trần Nh, Nguyễn Tấn C1, Võ Văn B và ông Đỗ Quang S đều xác định: Các ông cùng nhau hợp tác làm ăn chung nên cùng phát dọn rừng chung tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 12, xã H, diện tích 127.000m<sup>2</sup>.

Thực hiện dự án trồng rừng nguyên liệu trên địa bàn huyện N do Cty TNHH M làm chủ đầu tư (đã được UBND huyện N phê duyệt tại QĐ số 48/QĐ-UB ngày 07/9/2001). Ngày 16/10/2001 các ông lập biên bản họp tổ thống nhất cùng nhau trồng rừng, thỏa thuận phân chia lợi nhuận cũng như thống nhất làm Giấy CNQSDĐ cho 05 người bằng nhau. Tuy nhiên, khi làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ do không hiểu pháp luật nên chỉ một mình ông Lê Xuân L làm và được UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông L vào ngày 24/7/2002 là không đúng, mà quyền sử dụng đất trên là của chung của 05 người. Như vậy có căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 12, diện tích 127.000m<sup>2</sup> được UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ) số vào sổ 05176 ngày 24/7/2002 cho hộ ông Lê Xuân L là của chung 05 người như trên.

Ngày 25/12/2001, ông Lê Xuân L; ông Trần Nh và Cty TNHH M ký hợp đồng số 01/HĐK khoán trồng rừng để tiến hành khai hoang, phát dọn thực bì, trồng và chăm sóc keo. Khi khai thác mỗi bên được hưởng 50% (Cty TNHH M đầu tư vật tư, cây giống; ông L cùng những người khác trồng, chăm sóc và được tính công trồng cây).

Thời gian trồng rừng chu kỳ đầu từ năm 2003-2008 không có phát sinh tranh chấp. Năm 2008 bắt đầu khai thác lứa cây keo đầu tiên mang lại hiệu quả kinh tế lớn thì bắt đầu phát sinh phản ánh cán bộ, công chức, cá nhân thu gom đất rừng tại xã H và bắt đầu lấn chiếm và tranh chấp diễn ra; trong đó gồm bà Mai Thị Kim A, Lê Quang D1, Võ Văn T4, Phạm D2 và Lê Xuân P1 lên chiếm đất và trồng keo trên đất của ông L. Ông L đã nhiều lần làm đơn yêu cầu UBND xã H giải quyết nhưng không thành.

Như đã nhận định trên thì thửa đất này là của chung 05 người khai hoang, phát dọn để trồng cây keo, nhưng tại Đơn xin giao đất lâm nghiệp ngày 10/6/2002 chỉ có một mình ông Lê Xuân L đứng tên chủ hộ gia đình, cá nhân xin giao đất. Đơn này được UBND xã H ký xác nhận vào ngày 11/6/2002 (ký trước khi Hội đồng đăng ký hợp xét đơn xin giao đất Lâm nghiệp của xã H) là không đúng trình tự, thủ tục. Ngày 24/7/2002, UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ thửa đất số 10, tờ bản đồ số 12, diện tích 127.000m<sup>2</sup> số vào sổ 05176 cho hộ ông Lê Xuân L. Trên giấy chứng nhận QSDĐ của ông Lê Xuân L ở phần ghi thêm không có ghi đồng sử dụng cho thửa đất sử dụng chung, không liệt kê tên của các đồng sử dụng khác là vi phạm khoản 1 mục III phần thứ 3 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính.

Về trình tự giao đất ngoài thực địa: Theo kết luận thanh tra số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thì tại điểm d Điều 1 phần II kết quả thanh tra nêu việc một số hộ dân trước đây do nhu cầu cuộc sống đã tự phát khai hoang và sử dụng đất trong một số năm là có thật. Tuy nhiên, do sai sót của các cơ quan tham mưu nên đã không xác định rõ tình trạng của người đang sử dụng đất, không ban

hành quyết định thu hồi đất trước khi giao cho người khác sử dụng đất là trái quy định của luật đất đai, dẫn đến việc tranh chấp giữa các hộ dân, khiếu kiện kéo dài nên cần phải xem xét điều chỉnh để đảm bảo quyền lợi của người đang sử dụng đất thực tế (chi tiết theo phụ lục 04 đính kèm). Tại bản chi tiết theo phụ lục 04 đính kèm theo kết luận thanh tra số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2016 của chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và tài liệu có tại hồ sơ vụ án thì hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Lê Xuân L không đúng trình tự, thủ tục được quy định tại điểm b, Điều 2, Điều 4 phần II Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC ngày 06/6/2000 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tổng cục địa chính hướng dẫn việc giao đất và cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp như: Đơn xin giao đất không ghi đầy đủ thông tin, biên bản giao đất thực địa không ghi ngày tháng năm giao đất, không có đại diện cơ quan Kiểm lâm, không có chữ ký của các chủ sử dụng đất liền kề.

Xét về thẩm quyền cấp Giấy CNQSDĐ: Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp giao đất Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên, Giấy CNQSDĐ số vào sổ 05176 ngày 24/7/2002 lại được ký bởi ông Phan Anh T5 – Phó Chủ tịch UBND huyện N ký thay Chủ tịch UBND huyện N là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật đất đai năm 1993; mục IV.2 phần 1 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính; khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ; Điều 5 mục II Thông tư số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn - Tổng cục địa chính.

Do có những sai sót trên nên ngày 19/10/2017, UBND huyện N ban hành Quyết định 289/QĐ-UBND thu hồi Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 10 thuộc tờ bản đồ số 12 với diện tích 127.000m<sup>2</sup> số vào sổ 05176 cấp ngày 24/7/2002 cho hộ ông Lê Xuân L là đúng pháp luật đất đai. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân L về việc hủy Quyết định số 289/QĐ-UBND là không có căn cứ. Ông L và những người cùng sử dụng đất với ông L sẽ được xem xét để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi giải quyết các nội dung nêu trên.

[2.2]. Đối với Quyết định số 20/QĐ-UBND: Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 10 thuộc tờ bản đồ số 12 với diện tích 127.000m<sup>2</sup> số vào sổ 05176 của UBND huyện N cấp ngày 24/7/2002 cho hộ ông Lê Xuân L đã bị thu hồi tại Quyết định 289/QĐ-UBND, nhưng ông Lê Xuân L không giao nộp Giấy CNQSDĐ trên, nên UBND huyện N ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND về việc hủy Giấy CNQSDĐ đã bị thu hồi là đúng quy định tại khoản 7, Điều 87 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy

định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân L về việc hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND là không có căn cứ.

[2.3]. Như nhận định ở trên do UBND huyện N ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 03/7/2002 về việc giao đất Lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H, huyện N nhưng việc giao đất cho hộ gia đình ông Lê Xuân L là không đúng với quy định tại điểm b. Mục 10 phần I . QUY ĐỊNH CHUNG của Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC ngày 06/6/2000 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Tổng Cục địa chính nên Bản án sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 03/7/2002 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi đối với việc giao đất cho hộ ông Lê Xuân L tại số thứ tự số 29 trong Danh sách đề nghị giao đất sử dụng vào mục đích lâm nghiệp là đúng quy định.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Xuân L kháng cáo yêu cầu được xem xét lại các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Lê Xuân L. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HC-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện – ông Lê Xuân L là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Lê Xuân L. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HC-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai năm 1993; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC của Bộ Nông nghiệp phát triển Nông thôn và Tổng cục địa chính; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính của Thanh tra Chính phủ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân L:

Hủy Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Xuân L”;

Hủy Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Xuân L”.

2. Hủy một phần Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 03/7/2002 của UBND huyện N về việc giao đất Lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H, huyện N tại số thứ tự 29 trong Danh sách đề nghị giao đất sử dụng vào mục đích Lâm nghiệp được UBND xã H lập vào ngày 26/6/2002.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi “Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H05176 ngày 24/7/2002 đã cấp cho ông Lê Xuân L tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 12 xã Hành Trung, diện tích 127.000m<sup>2</sup>, loại đất: RSX (đất rừng sản xuất)”.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi “Về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông (bà): Lê Xuân L, thường trú tại thôn T, xã H, huyện N”.

5. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Lê Xuân L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

6. Quyết định về án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HC-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tiến**